

QUYẾT ĐỊNH

Về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính Phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá; Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá;

Căn cứ Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải ban hành quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Liên Bộ Tài chính và Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Sở Tài chính Lâm Đồng tại Tờ trình số: 1083/TTr-STC ngày 03 tháng 6 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ xe ra vào bến ô tô trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (có phụ biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3.

1. Giao sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh hướng dẫn các đơn vị khai thác bến xe về biên lai, ấn chỉ; chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng theo quy định.

2. Giao Sở Giao thông Vận tải công bố danh sách các loại bến xe trên địa bàn tỉnh để các đơn vị quản lý, kinh doanh khai thác bến xe có căn cứ tổ chức thực hiện. Đồng thời kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Giao thông Vận tải; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- VP và các Ban HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN, các đoàn thể cấp tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Đức Hòa

**GIÁ DỊCH VỤ XE RA, VÀO BẾN XE Ô TÔ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2011
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. Quy định chung:

1. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô: là số tiền mà các đơn vị kinh doanh vận tải phải trả cho đơn vị khai thác bến xe khi đưa xe vào bến để hoạt động.

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng: Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô áp dụng đối các đơn vị khai thác bến xe, đơn vị vận tải tham gia vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, đơn vị vận tải vận chuyển hàng hóa từ các bến xe trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

II. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô (đã bao gồm VAT):

1. Đối với bến xe Loại 1:

a) Giá dịch vụ xe xuất bến:

ĐVT: đồng/ghế xe, giường nằm.

Số TT	Cự ly vận chuyển (km)	Trọng tải xe				
		16 chỗ ngồi	17 - 24 chỗ ngồi	25-30 chỗ ngồi	> 30 chỗ ngồi	Xe giường nằm
I	Xe chạy tuyến nội tỉnh					
1	Cự ly < 75 km	1.400	1.800	2.000	2.400	3.000
2	Cự ly ≥ 75 km	1.800	2.300	2.500	3.000	3.700
II	Xe chạy tuyến liên tỉnh					
1	Cự ly < 500 km	2.500	3.200	3.500	4.300	5.300
2	Cự ly ≥ 500 km	2.800	3.600	4.000	4.900	6.100

b) Giá dịch vụ xe vào bến:

- Xe chạy tuyến nội tỉnh: 5.000 đồng/lượt xe.

- Xe chạy tuyến liên tỉnh, xe vắng lái:

+ Xe dưới 30 chỗ: 5.000 đ/lượt xe;

+ Xe trên 30 chỗ: 10.000 đ/lượt xe.

c) Giá thu xe taxi, xe chờ hàng ra, vào bến:

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (đồng/lượt xe)
1	Xe máy	2.000

2	Xe taxi từ 4 đến 9 chỗ, xe tải nhỏ dưới 0,5 tấn	5.000
3	Xe từ 9 đến 12 chỗ, xe tải từ 0,5 đến 1,5 tấn	10.000
4	Xe từ 12 đến 30 chỗ, xe tải trên 1,5 tấn đến 3,5 tấn	15.000
5	Xe trên 30 chỗ, xe tải trên 3,5 tấn	20.000

d) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe thu theo trọng tải ghé (hoặc giường nằm) xe ghi trong sổ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (không gồm ghé lái xe và phụ xe).

2. Đối với bến loại 2, 3, 4, 5 và 6:

- a) Bến xe loại 2: bằng 90% bến xe loại 1.
- b) Bến xe loại 3: bằng 80% bến xe loại 1.
- c) Bến xe loại 4: bằng 70% bến xe loại 1.
- d) Bến xe loại 5: bằng 60% bến xe loại 1.
- d) Bến xe loại 6: bằng 50% bến xe loại 1.

III. Tổ chức thực hiện:

Các đơn vị khai thác bến xe, đơn vị vận tải tham gia vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, đơn vị vận tải vận chuyển hàng hóa từ các bến xe có trách nhiệm thu, nộp tiền đúng giá dịch vụ đã được quy định tại phần II và III trên đây và thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định.

Các hành vi vi phạm trong việc thu, nộp sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Huỳnh Đức Hòa